

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Quyết định 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện văn bản 8668/BNN-TCLN ngày 21/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025. UBND tỉnh Bình Định báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác triển khai xây dựng kế hoạch

a) Ngày 24/3/2021, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021 về việc triển khai thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, kế hoạch đến năm 2025 tổng diện tích trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh là 11.027.403 cây (trồng cây phân tán 9.115.500 cây; trồng rừng tập trung 1.911.903 cây).

(Chi tiết có phụ lục I kèm theo)

b) Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) tổ chức rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định quỹ đất trồng rừng phòng hộ, đất trồng mới rừng sản xuất; đất quy hoạch cây xanh đô thị, đất phát triển trồng cây xanh phân tán vùng nông thôn,...để xây Kế hoạch thực hiện hằng năm và cả giai đoạn 2011-2025. Đến nay, 11/11 huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện. Theo kế hoạch các huyện xây dựng thì khối lượng thực hiện cả giai đoạn 2021-2025 giảm 2.016.019 cây (trồng cây phân tán giảm 1.157.076 cây; trồng rừng tập trung giảm 858.943 cây) so với nhiệm vụ trồng cây xanh trên toàn tỉnh tại Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021 vì quỹ đất phù hợp để trồng cây xanh tại các địa phương hạn chế.

2. Công tác chỉ đạo, đôn đốc, tuyên truyền, hướng dẫn triển khai

a) Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021 và theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị các sở, ngành, địa phương và

các đơn vị liên quan đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được UBND tỉnh giao.

b) Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện cụ thể: Văn bản số 719/SNN-KL ngày 06/4/2021 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch trồng mới một tỷ cây xanh trên địa bàn tỉnh Bình Định gửi UBND cấp huyện; văn bản số 906/SNN-KL ngày 27/4/2021 về việc triển khai một số giải pháp hưởng ứng Kế hoạch trồng mới một tỷ cây xanh trên địa bàn tỉnh Bình Định, theo đó chỉ đạo các chủ rừng là tổ chức chuẩn bị hiện trường, cây giống để trồng rừng tập trung trong mùa vụ trồng rừng năm 2021; văn bản 1264/SNN-KL ngày 03/6/2021 đề nghị UBND cấp huyện bổ sung, làm rõ kinh phí thực hiện Kế hoạch trồng mới một tỷ cây xanh của cấp huyện; văn bản 2295/SNN-KL ngày 01/9/2021 về việc tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện Kế hoạch Trồng mới một tỷ cây xanh tại địa phương; văn bản số 3064/SNN-KL ngày 16/11/2021 về việc xây dựng Kế hoạch Trồng mới một tỷ cây xanh trên địa bàn thị xã An Nhơn.

c) UBND cấp huyện chỉ đạo các ban, ngành, hội đoàn thể, chính quyền địa phương cấp xã tăng cường phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin, đại chúng về vai trò, tác dụng của rừng và cây xanh trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, giá trị kinh tế, xã hội của rừng để khuyến khích các tổ chức, cá nhân và toàn dân tham gia trồng cây, trồng rừng.

d) Trước thời vụ trồng rừng năm 2021, UBND cấp huyện chỉ đạo các đơn vị chủ rừng chủ động chuẩn bị hiện trường, cây giống đủ số lượng và chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp để tổ chức trồng cây xanh tập trung trong rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất.

II. KẾT QUẢ TRỒNG CÂY XANH NĂM 2021

1. Kế hoạch thực hiện năm 2021

a) Theo Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021, năm 2021 trên địa bàn tỉnh trồng 2.078,42 ha, tương đương khoảng 2.262.427 cây (trồng cây phân tán 1.840,41 ha, khoảng 1.840.410 cây; trồng rừng tập trung 238,01 ha, khoảng 422.017 cây).

b) Tuy nhiên, theo kế hoạch 11 huyện đã xây dựng thì khối lượng thực hiện năm 2021 là 1.689,20 ha, tương đương 1.774.528 cây (trồng cây phân tán 1.541.330 cây; trồng rừng tập trung 233.198 cây). Như vậy, so với kế hoạch số 36/KH-UBND của UBND tỉnh giảm 487.899 cây (trồng cây phân tán giảm 299.080 cây; trồng rừng tập trung giảm 188.819 cây).

c) Nguyên nhân các huyện xây dựng kế hoạch khối lượng giảm so với nhiệm vụ UBND tỉnh giao do qua rà soát, quỹ đất đủ điều kiện trồng mới cây phân tán, trồng rừng tập trung tại các địa phương còn lại ít.

2. Tiến độ thực hiện đến 31/12/2021

Đến nay trên địa bàn tỉnh đã trồng được 164,73 ha cây phân tán, tương đương với 164.730 cây, đạt 7,28% kế hoạch năm 2021; trồng tại các tuyến đường, công viên, trụ sở làm việc. Hiện nay, các địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định đang đang xây dựng kế hoạch phát động “Tết Trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp Xuân Nhâm Dần 2022 và tiếp tục yêu cầu UBND các xã, phường, thị trấn (cấp xã) tuyên truyền, hướng dẫn các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, đoàn thanh niên, trường học, các cơ quan, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân...đăng ký số lượng, loài cây để trồng cây phân tán, trồng rừng tập trung tại địa phương và triển khai tổ chức trồng cây xanh khi điều kiện khí hậu, thời tiết, nguồn lực đảm bảo.

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

3. Nguồn lực tổ chức thực hiện

a) Về huy động nguồn lực:

- Năm 2021, tình hình dịch covid - 19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Bình Định, các tổ chức, doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh nên rất khó khăn trong việc kêu gọi nhà tài trợ, huy động vốn từ xã hội hóa, vốn đóng góp hợp pháp của các doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện trồng cây xanh.

- Ngân sách các địa phương ưu tiên hàng đầu cho công tác phòng, chống dịch nên không có kinh phí để hỗ trợ thực hiện trồng cây xanh.

b) Kinh phí thực hiện trồng 164.730 cây phân tán năm 2021:

- Từ kinh phí tiền dịch vụ môi trường rừng không xác định hoặc chưa xác định được đối tượng nhận tiền năm 2020, hỗ trợ trồng cây phân tán trong lưu vực có cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Từ nguồn kinh phí của địa phương và cá nhân, tổ chức.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá chung

Việc triển khai thực hiện mục tiêu Kế hoạch Trồng mới một tỷ cây xanh tại địa phương còn chậm, khối lượng cây xanh đã trồng năm 2021 rất ít, chỉ đạt 7,28% kế hoạch đề ra. Công tác triển khai thực hiện Kế hoạch rất khó khăn vì trong bối cảnh dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp, Ngân sách các địa phương ưu tiên hàng đầu cho công tác phòng, chống dịch nên không có kinh phí để hỗ trợ thực hiện trồng cây xanh. Quỹ đất đủ điều kiện để trồng cây xanh tại địa phương rất hạn chế.

2. Thuận lợi khó khăn

a) Thuận lợi:

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể các cấp từ tỉnh đến địa phương; được sự đồng

thuận ủng hộ của các tổ chức xã hội và người dân; người dân đã nhận thức được ý nghĩa, vai trò tầm quan trọng của việc trồng rừng, trồng cây phân tán tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan, tổ chức, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia trồng cây, trồng rừng.

b) Khó khăn:

- Quỹ đất đảm bảo điều kiện để trồng mới rừng tập trung, trồng cây phân tán ở các địa phương hạn chế; hiện nay qua rà soát, kiểm tra hiện trường quỹ đất lâm nghiệp đảm bảo đúng đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 10 và khoản 1, Điều 11 của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về các biện pháp lâm sinh để đưa vào trồng rừng tập trung còn rất ít.

- Dịch covid - 19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh nên địa phương rất khó khăn trong việc kêu gọi nhà tài trợ, huy động vốn từ xã hội hóa, vốn đóng góp hợp pháp của các doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện trồng cây xanh. Trong khi đó nguồn ngân sách các địa phương ưu tiên để phòng, chống dịch.

- Năm 2021, là năm đầu tiên triển khai thực hiện Kế hoạch Trồng mới một tỷ cây xanh, các huyện đang khó khăn, lúng túng trong việc rà soát quỹ đất để xây dựng kế hoạch cho từng năm và cả giai đoạn; việc xác định nguồn lực, chỉ đạo, đôn đốc tổ chức triển khai thực hiện tại các địa phương còn chậm.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2022

1. Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền để người dân, tổ chức hiểu mục đích, ý nghĩa của việc trồng rừng, trồng cây phân tán; khuyến khích việc tự nguyện đăng ký trồng rừng, trồng cây xanh phân tán từ cấp cơ sở như: thôn, xóm, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, đoàn thanh niên, trường học, các cơ quan, doanh nghiệp,... làm cơ sở cho việc thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra.

2. Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể các cấp; huy động sự tham gia vào cuộc của các doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân.

3. Kêu gọi, huy động các tổ chức, doanh nghiệp tham gia, chung tay đóng góp thực hiện trồng cây xanh vì cộng đồng,...

4. UBND cấp huyện và đơn vị chủ rừng xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch trồng rừng, trồng cây xanh phân tán hằng năm và cả giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện; xác định rõ nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách Nhà nước, ngân sách xã hội hóa được huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân,...). Giao chỉ tiêu kế hoạch đến UBND cấp xã, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các trường học,... trên địa bàn nhằm đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao.

5. UBND cấp huyện chỉ đạo chính quyền địa phương cấp xã và chủ rừng phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định quỹ đất trồng rừng phòng hộ, đất trồng mới rừng sản xuất; đất quy

hoạch cây xanh đô thị, đất phát triển trồng cây xanh phân tán vùng nông thôn,... để đảm bảo thực hiện kế hoạch theo tiến độ hàng năm đã đề ra.

6. Có giải pháp huy động nguồn lực từ xã hội hóa, kết hợp thực hiện lồng ghép từ các chương trình, dự án tài trợ, dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật, sự tình nguyện tham gia của tổ chức, đoàn thể, quần chúng, các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và cây xanh.

7. Tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm Luật lâm nghiệp và các văn bản khác có liên quan để bảo vệ tốt diện tích rừng trồng, cây phân tán khu vực đô thị và khu vực nông thôn.

8. Hằng năm, tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Trung ương có chính sách hỗ trợ kinh phí để địa phương hỗ trợ người dân một phần giá cây giống tạo điều kiện thúc đẩy người dân tham gia trồng cây phân tán.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (15b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I:
KẾ HOẠCH TRỒNG CÂY XANH GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../2022 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: Diện tích: ha; Số cây: cây

| STT | Hạng mục | Tổng KH 2021-2025 | | 2021 | | 2022 | | 2023 | | 2024 | | 2025 | |
|-------------|---|-------------------|-------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|
| | | Diện tích | Số cây | Diện tích | Số cây | Diện tích | Số cây | Diện tích | Số cây | Diện tích | Số cây | Diện tích | Số cây |
| I | Trồng rừng tập trung | 1.055,05 | 1.911.903 | 238,01 | 422.017 | 218,01 | 392.657 | 213,01 | 385.317 | 193,01 | 355.957 | 193,01 | 355.957 |
| 1 | Trồng rừng phòng hộ | 372,55 | 546.903 | 101,51 | 149.017 | 81,51 | 119.657 | 76,51 | 112.317 | 56,51 | 82.957 | 56,51 | 82.957 |
| 2 | Trồng mới rừng sản xuất | 682,50 | 1.365.000 | 136,50 | 273.000 | 136,50 | 273.000 | 136,50 | 273.000 | 136,50 | 273.000 | 136,50 | 273.000 |
| II | Trồng cây xanh phân tán (1.000 cây) | 9.115,50 | 9.115.500 | 1.840,41 | 1.840.410 | 1.895,54 | 1.895.540 | 1.835,49 | 1.835.490 | 1.824,71 | 1.824.710 | 1.719,35 | 1.719.350 |
| 1 | Khu vực đô thị: Đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng, vườn nhà và các công trình công cộng khác | 2.766,46 | 2.766.460 | 549,49 | 549.490 | 565,82 | 565.820 | 559,97 | 559.970 | 565,29 | 565.290 | 525,89 | 525.890 |
| 2 | Khu vực nông thôn: Vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác | 6.349,04 | 6.349.040 | 1.290,92 | 1.290.920 | 1.329,72 | 1.329.720 | 1.275,52 | 1.275.520 | 1.259,42 | 1.259.420 | 1.193,46 | 1.193.460 |
| Cộng | | 10.170,55 | 11.027.403 | 2.078,42 | 2.262.427 | 2.113,55 | 2.288.197 | 2.048,50 | 2.220.807 | 2.017,72 | 2.180.667 | 1.912,36 | 2.075.307 |

Ghi chú: Không tính chỉ tiêu trồng rừng thay thế và trồng rừng sản xuất

Phụ lục II:
KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC VÀ TRỒNG CÂY XANH NĂM 2021 TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../2022 của UBND tỉnh Bình Định)

| STT | Hạng mục | Tổng KH năm 2021 | | Tiến độ thực hiện đến 31/12/2021 | | Ghi chú |
|-------------|---|------------------|------------------|----------------------------------|----------------|---------|
| | | Diện tích (ha) | Số cây | Diện tích (ha) | Số cây | |
| I | Trồng rừng tập trung | 238,01 | 422.017 | 0 | 0 | |
| 1 | Trồng rừng phòng hộ | 101,51 | 149.017 | | | |
| 2 | Trồng mới rừng sản xuất | 136,50 | 273.000 | | | |
| II | Trồng cây xanh phân tán (1.000 cây) | 1.840,41 | 1.840.410 | 164,730 | 164.730 | |
| 1 | Khu vực đô thị: Đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng, vườn nhà và các công trình công cộng khác | 549,49 | 549.490 | 3,80 | 3.800 | |
| 2 | Khu vực nông thôn: Vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu chế xuất, các công trình tín ngưỡng và các công trình công cộng khác | 1.290,92 | 1.290.920 | 160,930 | 160.930 | |
| Cộng | | 2.078,42 | 2.262.427 | 164,730 | 164.730 | |

Ghi chú: Không tính chỉ tiêu trồng rừng thay thế và trồng rừng sản xuất